

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 06/8/2019.  
V/v Không công nhận  
quan hệ vợ chồng.

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY - TP.CẦN THƠ**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* bà **Từ Thanh Đào**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Huỳnh Văn Nhân**

2. Ông **Nguyễn Việt Thành**

Thư ký phiên toà: bà **Nguyễn Thị Hải** - Thư ký Toà án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại Toà án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2019/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019. Về vụ kiện: “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà **Trần Ngọc T**, sinh năm 1982. Địa chỉ: phường B, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.(có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư T – Văn phòng Luật sư L thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

\* Bị đơn: Ông **Trần Quốc T**, sinh năm 1973. Địa chỉ: phường B, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Ngọc T trình bày:

Bà và ông Trần Quốc T tự nguyện tiến tới hôn nhân, đến năm 2006 có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không lập không lập thủ tục đăng ký kết hôn. theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc có được 01 con chung là cháu Trần A(nam), sinh ngày 09/9/2008. Thời gian sau cả hai phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được nên nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Trần A (nam), sinh ngày 09/9/2008, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Quốc T trình bày: ông thống nhất với bà T về quá trình tiến tới hôn nhân, con chung. Trong thời gian chung sống giữa ông bà không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, nay ông đồng ý Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông và bà T.

Về con chung: giữa ông và bà T có 01 con chung là Trần A (nam), sinh ngày 09/9/2008. Ông đồng ý giao cháu A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay,

Nguyên đơn bà Trần Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T. Về con chung: bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Quốc T tuy vắng mặt, nhưng trong các lần làm việc tại Tòa thì ông đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T; Về con chung: ông đồng ý giao cháu A cho bà T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: ông và bà T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét mối quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Trần Ngọc T khởi kiện ly hôn với Trần Quốc T và yêu cầu giải quyết nuôi con, nên xác định đây là vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa công dân và công dân được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, nhưng bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ngày 10/5/2019 bà T có đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T. Theo nội dung đơn thì bà và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa bà T và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Xét thấy, đời sống hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt kết quả nên bà T có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T, ông T cũng đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy do hôn nhân của bà T và ông T không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà Trần Ngọc T và ông Trần Quốc T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: ông bà tự xác định có 01 con chung là cháu Trần A (nam), sinh ngày 09/9/2008. Bà T có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T đồng ý giao cháu A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận định đây là tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận để có cơ sở xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: do bà T không có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung: bà T và ông T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: bà T phải chịu án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 28, khoản 1 điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Ngọc T và ông Trần Quốc T.

- Về con chung: Giao cháu Trần A(nam), sinh ngày 09/9/2008 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 009784 ngày 10/5/2019 thành án phí. Nguyên đơn đã nộp xong tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày: kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Nhân Nguyễn Việt Thành**

**Từ Thanh Đào**